

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỎA THUẬN KHUNG MUA SẴM TẬP TRUNG

Về việc thực hiện Gói thầu 07: Cung cấp, lắp đặt máy vi tính để bàn

Dự toán: Mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung của thành phố

năm 2018

Số: 01/TTK-TTĐG

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc Hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 4669/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt danh mục, dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung của thành phố năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 1374/QĐ-TTĐG ngày 25/12/2018 của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

Hôm nay, ngày 26 tháng 12 năm 2018 tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản TP.HCM, chúng tôi gồm có:

I. Đơn vị mua sắm tập trung: (Bên A)

Tên đơn vị : **Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản TP.HCM**

Quyết định thành lập số: 5087/QĐ-UBND ngày 28/9/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố về bổ sung chức năng, nhiệm vụ cho Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản.

Mã số quan hệ với NSNN: 9527.2.1047125 tại Kho bạc Nhà nước Tân Bình

Mã số thuế : 0301464982

Đại diện bởi : Ông Nguyễn Cao Thắng - Chức vụ: Phó Giám đốc (Theo ủy quyền số 384/TTĐG ngày 16/4/2018 của Giám đốc Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản)



 1

II. Nhà thầu cung cấp tài sản: (Bên B)

Tên đơn vị : Công ty TNHH MTV Thế giới công nghệ (HD King)

Giấy đăng ký kinh doanh số: 0309264689 ngày 03/08/2009 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP HCM cấp.

Mã số thuế : 0309264689

Đại diện bởi : Ông Trương Công Minh Hiền - Chức vụ: Tổng Giám đốc

Hai bên thống nhất ký kết thỏa thuận khung mua sắm tập trung với các nội dung như sau:

Điều 1. Danh mục tài sản cung cấp:

1. Chung loại, số lượng tài sản cung cấp:

Bên B cung cấp, lắp đặt Gói thầu số 07: Máy vi tính để bàn – Dự toán: Mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung của thành phố năm 2018 (*Chi tiết tên, tiêu chuẩn kỹ thuật, xuất xứ, số lượng của hàng hóa thể hiện tại Phụ lục 01 đính kèm Thỏa thuận khung này*).

2. Danh sách, số lượng hàng hóa của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản: Chi tiết thể hiện tại Phụ lục 02 đính kèm Thỏa thuận khung này.

Điều 2. Giá bán tài sản

- Tổng giá bán tài sản: **88.342.874.000 đồng** (*Bằng chữ: Tám mươi tám tỷ ba trăm bốn mươi hai triệu tám trăm bảy mươi bốn nghìn đồng*). Giá bán đã bao gồm thuế GTGT, chi phí vận chuyển, lắp đặt tại đơn vị sử dụng (Không bao gồm vật tư phụ)

- Giá bán tài sản tương ứng với từng loại tài sản: *Chi tiết thể hiện tại Phụ lục 01 đính kèm Thỏa Thuận khung.*

Điều 3. Thanh toán, thanh lý Thỏa thuận khung

1. Thời hạn và phương thức thanh toán:

+Thời hạn thanh toán:

- Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản có trách nhiệm thanh toán tiền mua tài sản cho nhà thầu 01 lần trong vòng 10 ngày, kể từ ngày đơn vị sử dụng tài sản nhận đủ chứng từ đề nghị thanh toán của nhà thầu.

- Việc thanh toán tiền mua tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật, Thỏa thuận khung và hợp đồng mua sắm tài sản đã ký kết với nhà thầu cung cấp tài sản.

+ Phương thức thanh toán: Chuyển khoản

2. Thanh lý:

- Thỏa thuận khung được nghiệm thu, thanh lý khi Bên A nhận được đầy đủ các bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản được ký kết giữa Bên B và đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản và khi thời gian bảo hành của nhà thầu đối với hàng hóa đã hết.

- Việc nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật và hợp đồng mua sắm tài sản đã ký kết giữa Bên B và đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.

Điều 4. Thời gian, địa điểm giao tài sản

1. Thời gian giao tài sản và lắp đặt: tối đa 30 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng với các đơn vị sử dụng tài sản. (kể cả ngày lễ và ngày nghỉ)

2. Địa điểm giao tài sản: Tại các đơn vị sử dụng tài sản. Chi tiết thể hiện tại phụ lục số 02 đính kèm Thỏa thuận khung này.

Điều 5. Bảo hành, bảo trì; đào tạo, hướng dẫn sử dụng tài sản

1. Thời gian, địa điểm bảo hành

- Thời hạn bảo hành: Bên B có nghĩa vụ bảo hành hàng hóa trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày biên bản bàn giao, nghiệm thu, tiếp nhận tài sản được ký kết giữa nhà thầu và đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.

Bên B có trách nhiệm cung cấp hoặc thanh toán các dịch vụ bảo hành, bao gồm việc khắc phục sự cố tài sản do lỗi của nhà sản xuất trong thời gian bảo hành.

- Địa điểm bảo hành: Tại địa điểm của các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.

2. Điều kiện bảo hành, bảo trì:

- Hàng hóa được bảo hành bởi Bên B (nhà thầu) và nhà sản xuất. Bên B có nghĩa vụ yêu cầu nhà sản xuất bảo hành sản phẩm theo đúng thời hạn đã công bố tại thời điểm đã nộp hồ sơ dự thầu.

- Bên B bảo hành hàng hóa nếu có lỗi của nhà sản xuất theo quy định.

- Bên B không bảo hành với những trường hợp: lỗi của đơn vị sử dụng, hoặc hàng hóa bị mất nhãn hiệu, mất tem bảo hành; do người sử dụng tự ý sửa chữa, thay đổi linh kiện; hỏng hóc do thiên tai, do côn trùng, điện áp không ổn định; dịch họa và các trường hợp bất khả kháng khác.

- Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh trong quá trình sử dụng hàng hóa trong thời hạn bảo hành: Khi có phát sinh các hư hỏng, khuyết tật, đơn vị sử dụng tài sản thông báo ngay bằng văn bản hoặc qua điện thoại cho Bên B về các hư hỏng, khuyết tật phát sinh. Trong thời hạn 24 giờ tiếp theo Bên B phải tiến hành khắc phục các hư hỏng, khuyết tật. Nếu Bên B không khắc phục được thì phải thay thế bằng linh kiện, thiết bị khác có tính năng tương đương, chất lượng bằng hoặc cao hơn mà không được yêu cầu thanh toán. Mọi chi phí thực tế phát sinh để phục vụ bảo hành thiết bị Bên B sẽ chi trả (đối với lỗi của nhà sản xuất). Ngoài các chi phí để khắc phục sự cố do lỗi của nhà sản xuất, các chi phí sửa chữa, thay thế khác sẽ do đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản thanh toán cho Bên B trên cơ sở chứng từ thực tế phát sinh.

- Bảo trì trong thời gian bảo hành: 04 lần/năm (thời gian bảo trì cụ thể do nhà thầu thống nhất với đơn vị sử dụng tài sản).

3. Bảo đảm việc thực hiện bảo hành, bảo trì:



- Bên B nộp cho bên A một khoản bảo đảm việc thực hiện bảo hành, bảo trì với số tiền là 5% tổng giá bán tài sản, tương ứng với số tiền là: 4.417.143.700 đồng (*Bằng chữ: Bốn tỷ bốn trăm mười bảy triệu một trăm bốn mươi ba ngàn bảy trăm đồng*).

- Hiệu lực của bảo đảm: kể từ ngày hàng hóa được bàn giao, nghiệm thu.

- Thời hạn hoàn trả: Bảo đảm việc thực hiện bảo hành, bảo trì sẽ được hoàn trả cho Bên B trong thời hạn 10 ngày sau khi hàng hóa hết thời hạn hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, bảo trì của nhà thầu.

- Hình thức của bảo đảm: Bảo lãnh của ngân hàng

- Bên B phải tiến hành khắc phục các hư hỏng, khuyết tật phát sinh trong quá trình sử dụng hàng hóa trong thời hạn bảo hành cho đơn vị sử dụng tài sản mới được Bên A hoàn trả bảo đảm việc thực hiện bảo hành, bảo trì.

4. Đào tạo, hướng dẫn sử dụng tài sản: Bên B có trách nhiệm phối hợp với đại diện của đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản để đào tạo, hướng dẫn sử dụng.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của các Bên có liên quan

1. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị mua sắm tập trung (Bên A)

1.1 Quyền của Bên A

- Yêu cầu Bên B xây dựng kế hoạch, liên hệ với đơn vị đầu mối đăng ký mua sắm tập trung và đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản để ký hợp đồng mua sắm tài sản, bàn giao, tiếp nhận và hướng dẫn sử dụng tài sản.

- Yêu cầu đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản từ chối tiếp nhận tài sản do Bên B cung cấp nếu phát hiện không đảm bảo tên, chủng loại, xuất xứ, chất lượng đúng các chỉ tiêu trong hồ sơ mời thầu và không thực hiện đúng các cam kết, đề xuất trong hồ sơ dự thầu và nội dung Thỏa thuận khung.

- Yêu cầu, đơn đốc Bên B khẩn trương khắc phục, sửa lỗi sai sót do thực hiện không đúng các chỉ tiêu trong hồ sơ mời thầu hoặc Bên B không kịp thời xử lý các yêu cầu khắc phục sự cố của đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản trong thời gian thực hiện hợp đồng.

- Có quyền yêu cầu Bên B thực hiện đúng các cam kết và đề xuất mà Bên B đã đưa ra trong hồ sơ dự thầu.

- Có quyền điều chỉnh tăng hoặc giảm giá trị toàn bộ gói thầu với tỷ lệ tối đa đảm bảo không quá 20% giá trị mời thầu.

- Giám sát việc thực hiện thỏa thuận khung, hợp đồng của Bên B; tiếp nhận, xử lý thông tin phản hồi từ các cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản.

1.2. Nghĩa vụ của Bên A

- Công khai việc mua sắm tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; đăng tải thông tin về kết quả đấu thầu mua sắm tập trung đối với gói thầu nêu trên theo quy định.

- Thông báo bằng hình thức văn bản đến đơn vị đầu mối đăng ký mua sắm tập trung để thông báo tới các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản biết thông tin về nhà thầu, ký hợp đồng mua sắm tài sản với nhà thầu cung cấp tài sản.

- Bên A có quyền và nghĩa vụ khác không trái với quy định của pháp luật.

2. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu cung cấp tài sản (Bên B)

2.1. Quy định chung về quyền, nghĩa vụ của Bên B

- Ký hợp đồng mua sắm tài sản với đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản; Hợp đồng mua sắm tài sản được lập thành văn bản theo mẫu đính kèm Thỏa thuận khung.

- Có trách nhiệm cung cấp tài sản cho các đơn vị trực tiếp sử dụng đảm bảo mới 100%, sản xuất từ năm 2017 trở lại đây, đồng bộ, nguyên chiếc, nguyên đai, nguyên kiện, đóng gói theo tiêu chuẩn nhà sản xuất, đúng chủng loại, số lượng tại Điều 1.

- Khảo sát địa điểm, đóng gói, vận chuyển, bàn giao và lắp đặt tài sản cho các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản theo đúng yêu cầu và thời gian đã cam kết tại hợp đồng mua sắm tài sản được hai bên ký kết.

- Mọi hư hỏng, mất mát trong quá trình vận chuyển hàng hóa do Bên B chịu trách nhiệm.

- Ký các biên bản bàn giao, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản; định kỳ hàng tháng báo cáo tiến độ thực hiện với Bên A.

- Có trách nhiệm bảo hành tài sản theo đúng quy định của nhà sản xuất và cam kết của Bên B.

- Có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ các tài liệu để tiến hành nghiệm thu, bàn giao, hoàn tất các thủ tục thanh quyết toán theo đúng quy định của pháp luật.

- Thực hiện đầy đủ các cam kết và nội dung khác đã ghi trong Hồ sơ dự thầu.

2.2. Quyền của Bên B

- Có quyền yêu cầu đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản thanh toán theo quy định của pháp luật.

- Trong thời hạn bảo hành, Bên B có quyền từ chối không bảo hành với những trường hợp: lỗi của đơn vị sử dụng, hoặc hàng hóa bị mất nhãn hiệu, mất tem bảo hành do người sử dụng tự ý sửa chữa, thay đổi linh kiện; hỏng hóc do thiên tai, do côn trùng, điện áp không ổn định; dịch họa và các trường hợp bất khả kháng khác.

2.3. Trách nhiệm, nghĩa vụ của Bên B

- Có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ chung nêu tại Mục 2.1 Điều này.

- Có trách nhiệm phát hành phiếu bảo hành cho toàn bộ tài sản và phát hành hóa đơn tài chính cho đơn vị ký hợp đồng mua sắm tài sản.

3. Quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp ký hợp đồng mua sắm, sử dụng tài sản.

3.1. Quyền của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp ký hợp đồng mua sắm, sử dụng tài

sản:

- Ký hợp đồng mua sắm tài sản với Bên B.
- Từ chối tiếp nhận tài sản nếu phát hiện không đảm bảo đúng tên, chủng loại, xuất xứ theo Thỏa thuận khung hoặc tài sản không đảm bảo về chất lượng cam kết.
- Yêu cầu, đơn đốc Bên B khắc phục, sửa lỗi sai sót do Bên B không kịp thời xử lý các yêu cầu khắc phục sự cố của đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản trong thời gian thực hiện hợp đồng.
- Yêu cầu Bên B khắc phục các hư hỏng, khuyết tật phát sinh trong quá trình sử dụng hàng hóa trong thời hạn bảo hành;
- Thuê Bên B cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản trong quá trình sử dụng.

3.2. Nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp ký hợp đồng mua sắm, sử dụng tài sản

- Ký hợp đồng mua sắm tài sản với Bên B ngay sau khi được Bên A, đơn vị đầu mối đăng ký mua sắm tập trung thông báo, hướng dẫn theo Thỏa thuận khung và gửi 01 bản cho đơn vị mua sắm tập trung.
- Chuẩn bị mọi điều kiện cần thiết cho Bên B thực hiện bàn giao và lắp đặt tài sản. Việc bàn giao, tiếp nhận phải lập thành Biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản được ký kết giữa đơn vị sử dụng tài sản và Bên B theo mẫu số 06/TSC-MSTT ban hành kèm theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP. Đơn vị mua sắm, sử dụng tài sản phải gửi 01 bản cho đơn vị mua sắm tập trung.
- Bố trí cán bộ kiểm tra, tiếp nhận, theo dõi, giám sát việc bàn giao, tiếp nhận và lắp đặt tài sản; đảm bảo đúng yêu cầu của Thỏa thuận khung; cùng Bên B nghiệm thu tài sản và các hồ sơ, tài liệu liên quan.
- Phối hợp cùng với Bên B lập hồ sơ thanh quyết toán, thanh lý hợp đồng theo đúng quy định hiện hành.
- Thanh toán cho Bên B theo quy định tại hợp đồng đã ký sau khi ký biên bản nghiệm thu, thanh lý và Bên B cung cấp hóa đơn tài chính.
- Theo dõi, hạch toán tài sản trên sổ kế toán, quản lý, sử dụng tài sản được trang bị theo quy định của Nhà nước.
- Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản có quyền và nghĩa vụ khác không trái với quy định của pháp luật.

4. Quyền và Nghĩa vụ của đơn vị đầu mối

- Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản về Thỏa thuận khung về mua sắm tập trung, các đơn vị đầu mối đăng ký mua sắm tập trung thông báo cho cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản để ký hợp đồng mua sắm tài sản với nhà thầu được lựa chọn.
- Theo dõi, đơn đốc việc ký kết hợp đồng mua sắm tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 7. Hiệu lực của Thỏa thuận khung:

1. Hiệu lực của Thỏa thuận khung:

- Thỏa thuận khung có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết cho đến khi hai bên có biên bản thanh lý (Nhưng không vượt quá 3 năm).

- Thỏa thuận khung này là cơ sở để các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản ký hợp đồng mua sắm tài sản với nhà thầu cung cấp tài sản.

2. Loại hợp đồng mua sắm tài sản: Hợp đồng trọn gói.

Điều 8. Xử phạt do vi phạm Thỏa thuận khung:

- Các bên cam kết thực hiện đúng theo Thỏa thuận khung ký kết.

- Trừ trường hợp bất khả kháng, nếu Bên B không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì đơn vị sử dụng tài sản có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền bồi thường tương ứng với % giá trị công việc chậm thực hiện là: 0,01%/ ngày cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Đơn vị sử dụng tài sản sẽ khấu trừ đến tối đa là 12% giá trị hợp đồng. Khi đạt đến mức tối đa, đơn vị sử dụng tài sản có thể xem xét chấm dứt hợp đồng. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho đơn vị sử dụng tài sản những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng do mình thực hiện.

Điều 9. Các nội dung liên quan khác:

1. Điều chỉnh Thỏa thuận khung.

- Việc điều chỉnh Thỏa thuận khung chỉ được áp dụng trong thời gian Thỏa thuận khung còn hiệu lực.

- Điều chỉnh khối lượng:

+ Khối lượng danh mục tài sản điều chỉnh (tăng hoặc giảm) tối đa 20% khối lượng gói thầu (danh mục tài sản điều chỉnh hoặc bổ sung phải thuộc danh mục tài sản cung cấp tại điều 1 của Thỏa thuận khung), trong đó:

- Trường hợp tổng giá trị gói thầu sau điều chỉnh không vượt quá giá trị toàn bộ gói thầu được duyệt : Hai bên thống nhất khối lượng điều chỉnh và ký bổ sung phụ lục Thỏa thuận khung để triển khai thực hiện.

- Trường hợp tổng giá trị gói thầu sau điều chỉnh vượt quá giá trị toàn bộ gói thầu được duyệt thì Bên A phối hợp với đơn vị đầu mối mua sắm tập trung, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản thương thảo, thống nhất với Bên B, phần khối lượng và giá trị điều chỉnh; báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai thực hiện.

+ Những khối lượng công việc tăng do lỗi chủ quan của nhà thầu gây ra thì không được phép điều chỉnh.

+ Những khối lượng phát sinh ngoài điều kiện qui định điều chỉnh ban đầu của Thỏa thuận khung hoặc trường hợp cần phải có sự tham gia của cả hai bên trong Thỏa thuận

khung để ngăn ngừa, khắc phục các rủi ro thuộc trách nhiệm một bên thì hai bên cùng bàn bạc thống nhất biện pháp xử lý.

+ Hợp đồng mua sắm tài sản đối với khối lượng điều chỉnh được ký kết giữa đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản và Bên B.

+ Việc nghiệm thu và thanh lý hợp đồng mua sắm đối với khối lượng điều chỉnh trên được thực hiện theo thực tế phát sinh và đảm bảo tổng khối lượng không quá 20% khối lượng mời thầu.

2. Bảo đảm thực hiện Thỏa thuận khung.

- Giá trị bảo đảm thực hiện thỏa thuận khung: Bên B đã nộp một khoản bảo đảm thực hiện thỏa thuận khung với giá trị là: **2.650.286.220 đồng** (Bằng chữ: Hai tỷ sáu trăm năm mươi triệu hai trăm tám mươi sáu ngàn hai trăm hai mươi đồng)

- Hình thức bảo đảm: Bảo lãnh của ngân hàng.

- Hiệu lực của bảo đảm: trong thời hạn 18 tháng, kể từ ngày ký kết thỏa thuận khung.

- Thời hạn hoàn trả bảo đảm: Bên A sẽ hoàn trả bảo đảm thực hiện thỏa thuận khung cho Bên B trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hàng hóa bàn giao, nghiệm thu đồng thời Bên B đã nộp khoản tiền bảo đảm việc thực hiện bảo hành, bảo trì.

- Bảo đảm thực hiện Thỏa thuận khung sẽ được thanh toán cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng mua sắm tài sản được ký giữa Bên B và đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.

3. Bất Khả Kháng.

- Trong Thỏa thuận khung, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch.

- Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

- Trong khoảng thời gian không thể thực hiện Thỏa thuận khung do điều kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Thỏa thuận khung của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng.

- Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt Thỏa thuận khung theo quy định hiện hành của pháp luật.

- Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Khoản 4 Điều 9 của Thỏa thuận khung này.

4. Luật áp dụng và giải quyết tranh chấp

- Luật áp dụng đối với Thỏa thuận khung là pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

- Trong quá trình thực hiện Thỏa thuận khung, nếu có phát sinh tranh chấp thì hai bên sẽ giải quyết thông qua thương lượng, hoà giải. Thời gian để tiến hành hòa giải: 07 ngày. Nếu các bên thương lượng, hòa giải không thành thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền.

5. Điều khoản thi hành

- Thỏa thuận khung có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết.

- Thỏa thuận khung này được làm thành 63 bản có giá trị pháp lý như nhau: Đơn vị mua sắm tập trung, Nhà thầu cung cấp tài sản (mỗi bên giữ 02 bản), gửi đơn vị đầu mỗi đăng ký mua sắm tập trung (mỗi đơn vị 01 bản).

ĐẠI DIỆN BÊN A
TRUNG TÂM DỊCH VỤ
ĐẦU GIÁ TÀI SẢN TP.HCM
KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Cao Thắng

ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY TNHH MTV
THẾ GIỚI CÔNG NGHỆ
(HD KING)
TỔNG GIÁM ĐỐC



Trương Công Minh Hiền

